

nòi. Bộ răng đã phân hóa thành 3 loại răng: răng cửa, răng nanh trước hàm và răng hàm đảm nhiệm từng vai trò khác nhau; Hàm dưới của thú chỉ bao gồm một mảnh xương (*trong khi ở các lớp động vật có xương sống khác do nhiều mảnh ghép lại*) nên vững chắc hơn, giúp thú có thể bắt mỗi đạt hiệu quả cao hơn,...

Trong lịch sử tiến hóa, loài thú cổ nhất đã xuất hiện cách đây 180 triệu năm. Trong một thời gian dài sau đó (khoảng 100 triệu năm) các loài thú cổ hầu như không phát triển thêm nhiều. Chỉ có cách đây khoảng 60 - 70 triệu năm, khi các loài bò sát cổ đã bị tiêu diệt, thú mới bước vào giai đoạn phát triển phồn vinh nhất: Xuất hiện thêm nhiều loài thú với số lượng cá thể của mỗi loài cũng tăng thêm. Giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của thú là cách đây 25 triệu năm. Khi đó thú đã phát triển đến 1.200 giống khác nhau (*mỗi giống lại bao gồm nhiều loài*).

Tuy nhiên, cho đến ngày nay dưới sự tác động của chọn lọc tự nhiên, cũng như sự khai thác bừa bãi của con người, trên thế giới chỉ còn lại khoảng 1.000 con thú khác nhau với khoảng 4.500 loài.

### **c. Vai trò của ĐVHD**

#### **\* Ích lợi**

Động vật có vai trò rất quan trọng trong tự nhiên cũng như đối với đời sống con người. Chúng là thành phần không thể thiếu được trong các hệ sinh thái, đóng góp nhiều vào quá trình trao đổi chất trong tự nhiên. Chúng có thể được dùng làm thức ăn, phân bón, dược liệu quý hay nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp,...

Với thành phần loài và số lượng cá thể chiếm áp đảo trong giới động vật, phân bố và thích nghi được với nhiều địa hình khác nhau nên động vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên. Một số vai trò chính của chúng như sau:

- **Giá trị bảo tồn:** ĐVHD có vai trò quan trọng trong cân bằng sinh thái, nơi chúng sống từ đó các hệ sinh thái bền vững. Chúng tạo nên các mắt xích trong chuỗi thức ăn hay lưới thức ăn. Chúng tạo nên các giá trị bảo tồn vô cùng quan trọng, các giá trị này không chỉ có ý nghĩa thực tại mà còn có tiềm năng sử dụng sau này. Các loài động vật đặc hữu mang những nguồn gen quý hiếm đối với toàn bộ thế giới chứa những *tính trạng tốt* mà các loài động vật khác không có. Thông qua các loài

ĐVHD, con người có thể nghiên cứu, khai thác và sử dụng một cách hợp lý các gen này đạt hiệu quả cao nhất.

- **Giá trị kinh tế:** ĐVHD có ý nghĩa kinh tế quan trọng với đời sống con người. Giá trị kinh tế của động vật tập trung vào một số nội dung sau:

+ **Nguồn thức ăn:** Từ khi loài người mới xuất hiện trên trái đất thì nguồn thức ăn chính của con người là các sản phẩm tự nhiên thu được từ săn bắn động vật và hái lượm. Nhiều loài động vật đã được con người sử dụng làm thức ăn trong cuộc sống hàng ngày. Nhiều loài động vật được con người thuần hóa, nuôi dưỡng qua nhiều thế hệ tạo thành những giống gia súc, gia cầm để phục vụ cuộc sống con người. Có thể nói nguồn đạm động vật là *không thể thiếu* đối với loài người. Cho đến ngày nay vẫn còn một số lượng lớn cộng đồng địa phương dựa chủ yếu vào sản phẩm săn bắn để *tồn tại*.

+ **Nguyên liệu cho công nghiệp:** Nhiều nhóm động vật cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp khác nhau: các loài thú và bò sát có thể cung cấp lông, da; các loài côn trùng cung cấp mật, sáp, cánh kiến, tơ,...

+ **Dược liệu:** Nhiều sản phẩm con người sử dụng với mục đích dược liệu (*mật Ong, gan Cá, mật Gấu, nọc Rắn, sừng Tê giác, cao Hổ,...*). Nhiều chế phẩm sinh học được chiết suất từ nuôi cấy mô động vật hoặc động vật sống (các loại vắc xin, hoóc môn,...).

+ **Làm cảnh, phục vụ đời sống sinh hoạt, giải trí cho con người:** Một số lượng lớn động vật được buôn bán trên thị trường hay được bẫy bắt là phục vụ mục đích làm cảnh. Đặc biệt các loài chim như Vẹt, Yểng, Sáo,.... Nhiều vườn thú và công viên quốc gia phục vụ mục đích tham quan du lịch,...

- **Trong chu trình vật chất:** Chu trình sinh học trong tự nhiên có tất cả 3 pha - 3 mắt xích có vai trò tương đương nhau bao gồm: pha sản xuất, pha tiêu thụ và pha tái sản xuất. Từ những chất đơn giản này, thực vật dễ dàng hấp thụ để tạo ra các chất hữu cơ phức tạp một lần nữa và cứ tiếp tục chu trình tuần hoàn vật chất như vậy. Do đó, dễ dàng nhận thấy động vật chiếm vai trò rất quan trọng, là “mắt xích” không thể thiếu trong vòng tuần hoàn vật chất tự nhiên, trong đó con người là một thành phần có tổ chức cao nhất của “mắt xích” đó.

- **Nghiên cứu khoa học và giáo dục:** Đây là vai trò rất quan trọng của động vật đối với con người. Thông qua động vật, nhất là các loài có cấu tạo cơ thể gần giống con người, con người có thể tiến hành các nghiên cứu khoa học với mục đích phục vụ ngày càng tốt hơn cho đời sống con người. Con người đã “học” được nhiều điều từ động vật như: chế tạo thành công máy bay khi quan sát, phân tích các chuyển động bay từ chim; chế tạo nhiều loại thuốc chữa bệnh trên cơ sở thử nghiệm trên cơ thể động vật có cấu tạo cơ thể gần giống con người.

- **Giá trị đạo lý:** Từ hàng ngàn năm, văn hóa và xã hội loài người phát triển song song với sự tồn tại đa dạng của các loài ĐVHD. Hình ảnh các loài ĐVHD đã tạo nguồn *cảm hứng* lớn cho tín ngưỡng, nghệ thuật, kiến trúc và trong cả âm nhạc lẫn thơ ca. Nếu không bảo vệ ĐVHD thì các thế hệ sau của chúng ta sẽ *không còn* nhìn thấy những con Hồ, Voi, Gấu,... ở trong rừng, *mà chỉ* có thể nhìn thấy hình ảnh chúng trong sách vở, phim ảnh và như vậy thì *không thể* cảm nhận hết được giá trị của nó. Vì vậy, có thể nói nếu ĐVHD *tuyệt chủng* thì nền văn hóa của chúng ta cũng sẽ dần dần *bị nghèo nàn* đi. Một số người cho rằng chính con người thúc đẩy sự tuyệt chủng của những loài là những *vi phạm* về đạo đức và luân lý.

#### \* **Tác hại**

Bên cạnh các mặt có lợi, động vật cũng có một số mặt gây tác hại đến đời sống của con người: Nhiều loài động vật là nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp gây ra một số bệnh dịch *nguy hiểm* cho con người: Chuột truyền dịch hạch; Muỗi Anopheles truyền bệnh sốt rét; các loài Giun sán ký sinh trong cơ thể người; một số loài truyền các bệnh virus; amips gây một số bệnh phụ khoa,...;

Ngoài ra, chúng còn gây hại như tàn phá lương thực, kho tàng, công trình xây dựng của con người: Chuột, Châu chấu, các loài côn trùng *phá hoại* mùa màng, cây trồng, đặc biệt là cây lương thực và cây lâm nghiệp.

### **1.2.3. Rừng và động vật hoang dã ở Đồng Nai**

#### **a. Rừng**

Rừng Đồng Nai có đặc trưng cơ bản của rừng nhiệt đới, có tài nguyên động thực vật rất phong phú, đa dạng, với nhiều loài ĐVHD trên cạn quý hiếm mà VQG Cát Tiên, KBT thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai,...

+ **VQG Cát Tiên:** Cát Tiên là tên gọi một vùng đất nằm gọn trong đoạn uốn khúc của sông Đồng Nai, thuộc địa phận của 3 tỉnh Đồng Nai, Bình Phước và Lâm Đồng. Năm 1978, VQG này được bảo tồn và được chia thành 2 khu vực: Nam Cát Tiên và Tây Cát Tiên. Khu vực Cát Lộc phía Bắc Cát Tiên cũng được bảo tồn do ở đây có loài Tê giác Java sinh sống. Chính nhờ loài Tê giác này đã làm KBT đã được cộng đồng thế giới quan tâm. Một cuốn hút khác của rừng Cát Tiên là sự tồn tại của đàn Bò tót với số lượng khoảng 70 - 80 con, hiện cũng đang có nguy cơ tuyệt chủng cao do bị săn bắn trái phép và mất chỗ ở vì rừng bị chặt phá. Năm 1998, ba khu này được sáp nhập thành VQG. Thử nghiệm ĐDSH 2004, là việc thả 38 con Cá sấu gốc Thái Lan vào hồ Bàu Sấu ở giữa rừng. Phát hiện khảo cổ trong khu vực giữa rừng này đang đặt ra *dấu hỏi* có một nền văn minh cổ đã tồn tại ở đây.

Khoảng 50% diện tích của Cát Tiên là rừng cây xanh, 40% là rừng tre, 10% là nông trại. Cát Tiên là nơi cư ngụ của 40 loài nằm trong Sách Đỏ thế giới, động vật đặc trưng có: Tê giác Java một sừng, Voi châu Á, Bò tót, Gấu chó, Gấu ngựa, Trâu rừng, Hổ, Báo hoa mai, Báo gấm, Nai,... Các loài chim ở Cát Tiên cũng phong phú đa dạng: Đại bàng đen, Vịt trời cánh trắng, Chim mỏ sừng lớn,...

Năm 1976, tỷ lệ che phủ của rừng còn 47,8% diện tích tự nhiên, năm 1981 còn 21,5%. Năm 2006, độ che phủ rừng là 26,05% tổng diện tích tự nhiên. KBT Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai và VQG Cát Tiên, với nhiều loài ĐVHD quý hiếm. Với việc triển khai thực hiện chương trình trồng rừng và quy hoạch có thể dự báo tỷ lệ che phủ (bao gồm cả cây công nghiệp dài ngày) sẽ tăng lên đạt 45-50% năm 2010.

+ KBT thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai: hệ động vật có 31 loài thú quý hiếm (*đặc biệt là loài Tê giác một sừng*). Các hệ sinh thái tự nhiên rừng đầu nguồn ở đây cực kỳ quan trọng với chức năng điều hòa nước lưu vực sông Đồng Nai, cung cấp nước ngọt vào mùa khô và khống chế ngập lụt vào mùa mưa cho cả một vùng rộng lớn miền Đông Nam Bộ, kể cả thành phố Hồ Chí Minh các khu công nghiệp, dân cư,... Đây là tài sản vô cùng quý giá của quốc gia và của nhân loại, là tiềm năng và cơ hội để phát triển kinh tế - xã hội một cách phong phú và bền vững của tỉnh.

Với diện tích 68.788 ha, đây là khu vực chuyển tiếp giữa Tây nguyên và đồng bằng Nam bộ. Được xem là nơi còn rừng tự nhiên lớn nhất khu

vực miền Đông Nam bộ, nơi phân bố của 3 hệ sinh thái rừng tiêu biểu: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh, hệ sinh thái rừng nửa rụng lá, và hệ sinh thái rừng tre nứa. Các hệ sinh thái rừng trên đã tạo nhiều sinh cảnh tự nhiên rất thích hợp với sự phát triển và cư trú của nhiều loài sinh vật, nơi cư trú và là hành lang di chuyển của các loài chim, thú từ VQG Cát Tiên qua lại khu vực này.

Rừng của KBT Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai còn có chức năng quan trọng là phòng hộ trực tiếp cho hồ Trị An, góp phần tái tạo sự cân bằng sinh thái cho vùng trọng điểm phát triển kinh tế phía Nam (*thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu*). Đây là khu rừng có tính ĐDSH *rất cao*.

Địa hình mang tính độc đáo của khu vực ít nơi nào có được, lại được thiên nhiên ban tặng nhiều cảnh đẹp tự nhiên, quyến rũ chẳng những con người mà cả các loài ĐVHD hình như cũng rất say mê miền đất này. Trên con sông Đồng Nai, du khách tham quan du lịch có thể chiêm ngưỡng được cảnh đẹp hùng vĩ của các thác nước tự nhiên. Đó là các thác nước: *Thác Trời, Thác Bến Cự, Thác Dựng, Thác Mỏ vẹt,...*

Cho đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu về ĐVHD do các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài đang tiến hành. Đặc biệt, đã phát hiện được rất nhiều loài ĐVHD quý hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen ở cấp độ Việt Nam và thế giới. Nhiều loài mới cho khoa học, nhiều loài có giá trị kinh tế lớn, có thể phục vụ cho du lịch sinh thái.

### **b. Động vật hoang dã ở Đồng Nai**

- *Khu hệ thú*: Ở Đồng Nai đã được nhiều nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài khảo sát. Mặc dù, còn một số nhóm thú nhỏ vẫn chưa được khảo sát đầy đủ như Dơi, các loại gặm nhấm,... nhưng với các loài thú đã phát hiện cho thấy khu hệ thú ở Đồng Nai khá *đa dạng*. Sự ĐDSH cao ở Đồng Nai là do khu vực nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa 2 đơn vị địa sinh học khác biệt nhau: Cao nguyên Đà Lạt và Đồng bằng sông Cửu Long.

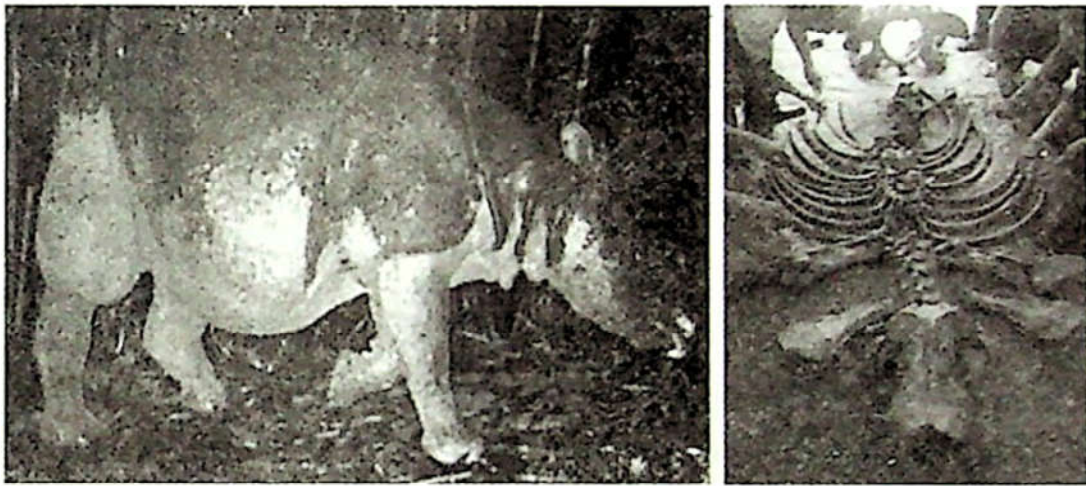
Trong số các loài thú đã ghi nhận được có nhiều loài thú đang bị đe dọa diệt vong trong nước và trên toàn cầu với trên *30 loài* có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

Ngoài ra, còn có 18 loài và phân loài thú là đặc hữu cho tiểu vùng địa sinh học Đông Dương và đặc biệt có 3 loài và phân loài là đặc hữu cho Việt Nam (*là Chà vá chân đen, Tê giác một sừng Việt Nam và Hoẵng*

*Nam bộ*). Tỷ lệ các loài đặc hữu cao đã nâng cao tầm quan trọng của khu vực đối với bảo tồn ĐDSH trong nước và trên thế giới.

**Bảng: Số lượng Tê giác ở VQG Cát Tiên**

Ước tính số lượng Tê giác tại Cát Tiên							
Năm	1989	1991	1993	1998	2001	2005	2007
Số lượng	10 - 15	8 - 12	7 - 9	5 - 7	2 - 8	2 - 7	4 - 5

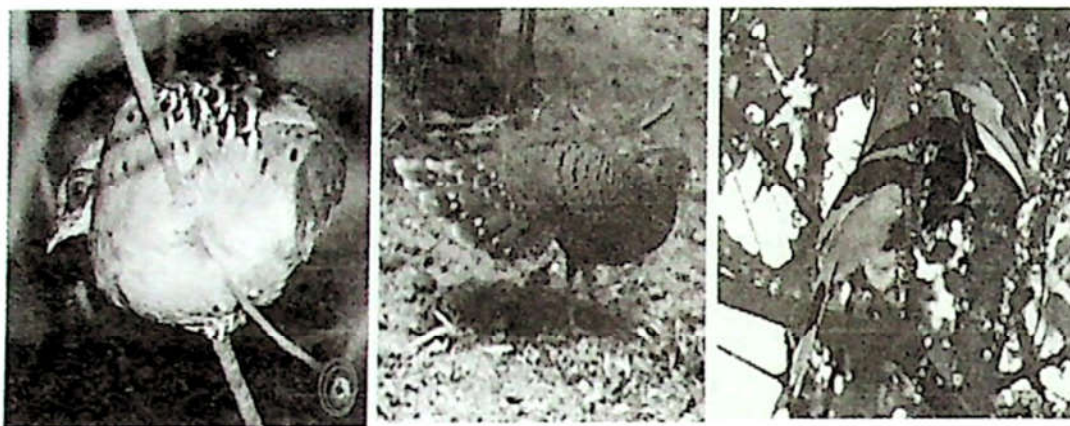


Ảnh 1: Tê giác ở VQG Cát Tiên; 2: Bộ xương Tê giác.

Trong số các loài thú đang bị đe dọa diệt vong, khu vực có tầm quan trọng bảo tồn đặc biệt quan trọng đối với một số loài như: *Tê giác một sừng Việt Nam*, *Voi châu Á*, *Bò tót* và *Chà vá chân đen*,.... Đơn cử *Tê giác một sừng Việt Nam*: trước đây có phân bố cả ở Lào, Campuchia và Đông Thái Lan. Nhưng chúng đã nhanh chóng bị tuyệt diệt ở các nước này. Ở Việt Nam, phân loài này có phân bố ở nhiều tỉnh suốt từ vùng Tây Bắc, xuống miền Trung, lên Tây Nguyên và lan xuống Bình Thuận, Lâm Đồng, Sông Bé (cũ) và Đồng Nai. Nhưng hiện nay, cũng chỉ còn tồn *duy nhất* ở VQG Cát Tiên. Như vậy, số lượng Tê giác ở VQG Cát Tiên nói riêng và ở Việt Nam nói chung là còn rất ít.

#### - Khu hệ chim

Theo Nghị định 32/NĐ-CP thì ở Đồng Nai có 19 loài chim. Trong đó có 6 loài trong *nhóm IB* và 13 loài thuộc *nhóm IIB*.



Ảnh: Một số loài Chim đặc hữu ở VQG Cát Tiên (1: Gà so cổ hung, 2: Gà tiền mặt đỏ, 3: Hồng Hoàng)

Các loài chim đặc hữu ở khu vực sông Đồng Nai có thể là nơi có nhiều loài chim đặc hữu nhất Việt Nam. Trong 350 loài chim ghi nhận được ở VQG Cát Tiên, các nhà nghiên cứu chim đã ghi nhận được 15 loài Chim đặc hữu như: Hạc Cổ trắng, Cổ rắn, Gà so cổ hung, Gà so ngực gụ, Gà lôi trắng, Công, Gà Tiền mặt đỏ, Hồng Hoàng,...

#### **- Khu hệ bò sát trên cạn**

Thành phần loài bò sát và ếch nhái trong KBT Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai đã bước đầu ghi nhận 60 loài bò sát thuộc 13 họ, 3 bộ và 28 loài ếch nhái thuộc 4 họ, 1 bộ. Trong số 88 loài bò sát và ếch nhái có 25 loài quý hiếm, trong đó có 12 loài ghi trong Danh lục Đỏ IUCN (2007); có 21 loài ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); có 13 loài trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

Khu vực trên 135 loài ENBS trong đó có 45 loài ếch nhái thuộc 6 họ, 2 bộ; 89 loài bò sát thuộc 17 họ, 3 bộ. Trong số này có 17 loài bị đe dọa cấp toàn cầu gồm: 1 loài bậc CR (cực kỳ nguy cấp), 4 loài bậc EN (nguy cấp), 8 loài bậc VU (sẽ nguy cấp), 3 loài bậc NT (sắp bị đe dọa), 1 loài LR/nt (ít bị đe dọa). Có 21 loài bị đe dọa cấp quốc gia trong đó có: 1 bậc R (hiếm), 2 loài bậc E (nguy cấp), 5 loài bậc T (bị đe dọa) và 13 loài bậc V (sẽ nguy cấp).

**- Những loài ĐVHD trên cạn có giá trị đặc biệt:** Các loài ENBS thường bị khai thác bởi nhiều loài có giá trị kinh tế cao như làm thực phẩm, làm thuốc, xuất khẩu, nuôi cảnh, giá trị khoa học. Số này thường là các loài có kích thước lớn như: Trăn, Kỳ đà, Rồng đất, các loài Rắn độc,....

Tóm lại, Đồng Nai với hệ thống sông suối và các bầu nước đa dạng, phong phú, một vùng đất ngập nước theo mùa rộng lớn nên rất nhiều cảnh quan đẹp được phân chia theo từng sinh cảnh khác nhau với các đặc trưng phân bố loài khác nhau. Với sự đa dạng không chỉ có nhiều loài thú lớn, chim, cá với đủ các đặc trưng về tập tính bắt mồi, chịu đựng các điều kiện môi trường thay đổi theo hai mùa nước lũ và mùa nước cạn.

#### 1.2.4. Danh sách ĐVHD trên cạn quý hiếm ở Việt Nam và Đồng Nai

##### a. Ở Việt Nam

Bảng: Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trên cạn ở Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/NĐ - CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ).

#### 1. Nhóm IB

Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trên cạn nghiêm cấm khai thác sử dụng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	<i>MAMMALIA</i>
	Bộ cánh da	<i>Dermoptera</i>
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	Bộ khỉ hầu	<i>Primates</i>
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis (N. coucang)</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
4	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
5	Voọc chà vá chân đỏ	<i>Pygathrix nemaeus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
8	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei (T. phayrei)</i>



9	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc đen Hà Tĩnh	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
12	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
13	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus (T. cristatus)</i>
14	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
15	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
16	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
17	Vượn đen tuyến Đông Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
	<b>Bộ thú ăn thịt</b>	<b>Carnivora</b>
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayanus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
21	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
22	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
23	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale (Lutra) perspicillata</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Amblonyx (Aonyx) cinereus (A. cinerea)</i>
25	Chồn mực (Cây đen)	<i>Arctictis binturong</i>
26	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma (Felis) temminckii</i>
27	Mèo	<i>riFelis chaus</i>
28	Mèo gấm	<i>Pardofelis (Felis) marmorata</i>
29	Mèo rừng	<i>Prionailurus (Felis) bengalensis</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus (Felis) viverrina</i>
31	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
32	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
33	Hổ	<i>Panthera tigris</i>

	<b>Bộ có vòi</b>	<b>Proboscidea</b>
34	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	<b>Bộ móng guốc ngón lẻ</b>	<b>Perissodactyla</b>
35	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	<b>Bộ móng guốc ngón chẵn</b>	<b>Artiodactyla</b>
36	Hươu vàng	<i>Axis (Cervus) porcinus</i>
37	Nai cà tong	<i>Cervus eldii</i>
38	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
39	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
40	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
41	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>
42	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
43	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
45	Sơn dương	<i>Naemorhedus (Capricornis) sumatraensis</i>
46	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
	<b>Bộ thỏ rừng</b>	<b>Lagomorpha</b>
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	<b>LỚP CHIM</b>	<b>AVES</b>
	<b>Bộ bồ nông</b>	<b>Pelecaniformes</b>
48	Già dẫy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
49	Quắm cánh xanh	<i>Pseudibis davisoni</i>
50	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
	<b>Bộ sếu</b>	<b>Gruiformes</b>
51	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>
	<b>Bộ gà</b>	<b>Galiformes</b>

52	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
53	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
54	Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>
55	Công	<i>Pavo muticus</i>
56	Gà lôi hồng tía	<i>Lophura diardi</i>
57	Gà lôi mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>
58	Gà lôi Hà Tĩnh	<i>Lophura hatinhensis</i>
59	Gà lôi mào đen	<i>Lophura imperialis</i>
60	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>
	<b>LỚP BÒ SÁT</b>	<b>REPTILIA</b>
	<b>Bộ có vẩy</b>	<b>Squamata</b>
61	Hổ mang chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	<b>Bộ rùa</b>	<b>Testudinata</b>
62	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i>

## 2. Nhóm IIB

**Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trên cạn hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại**

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	<b>LỚP THÚ</b>	<b>MAMMALIA</b>
	<b>Bộ dơi</b>	<b>Chiroptera</b>
1	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus</i>
	<b>Bộ khỉ hầu</b>	<b>Primates</b>
2	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>
3	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>
4	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>
5	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina (M. nemestrina)</i>

6	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>
	<b>Bộ thú ăn thịt</b>	<b>Carnivora</b>
7	Cáo lửa	<i>Vulpes vulpes</i>
8	Chó rừng	<i>Canis aureus</i>
9	Triết bụng vàng	<i>Mustela kathiah</i>
10	Triết nâu	<i>Mustela nivalis</i>
11	Triết chỉ lưng	<i>Mustela strigidorsa</i>
12	Cây giông sọc	<i>Viverra megaspila</i>
13	Cây giông	<i>Viverra zibetha</i>
14	Cây hương	<i>Viverricula indica</i>
15	Cây gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>
16	Cây văn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>
	<b>Bộ móng guốc chẵn</b>	<b>Artiodactyla</b>
17	Cheo cheo	<i>Tragulus javanicus</i>
18	Cheo cheo lớn	<i>Tragulus napu</i>
	<b>Bộ gặm nhấm</b>	<b>Rodentia</b>
19	Sóc bay đen trắng	<i>Hylopetes alboniger</i>
20	Sóc bay Côn Đảo	<i>Hylopetes lepidus</i>
21	Sóc bay xám	<i>Hylopetes phayrei</i>
22	Sóc bay bé	<i>Hylopetes spadiceus</i>
23	Sóc bay sao	<i>Petaurista elegans</i>
24	Sóc bay lớn	<i>Petaurista petaurista</i>
	<b>Bộ tê tê</b>	<b>Pholidota</b>
25	Tê tê	<i>JavaManis javanica</i>
26	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	<b>LỚP CHIM</b>	<b>AVES</b>

	<b>Bộ hạc</b>	<b>Ciconiiformes</b>
27	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
28	Quắm lớn	<i>Thaumabitis (Pseudibis) gigantea</i>
	<b>Bộ ngỗng</b>	<b>Anseriformes</b>
29	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	<b>Bộ sếu</b>	<b>Gruiformes</b>
30	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	<b>Bộ cắt</b>	<b>Falconiformes</b>
31	Điều hoa Miến Điện	<i>Spilornis cheela</i>
32	Cắt nhỏ họng trắng	<i>Polihierax insignis</i>
	<b>Bộ gà</b>	<b>Galiformes</b>
33	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
34	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila charltonii</i>
	<b>Bộ cu cu</b>	<b>Cuculiformes</b>
35	Phướn đất	<i>Carpococcyx renauldi</i>
	<b>Bộ bồ câu</b>	<b>Columbiformes</b>
36	Bồ câu nâu	<i>Columba punicea</i>
	<b>Bộ yến</b>	<b>Apodiformes</b>
37	Yến hàng	<i>Collocalia germaini</i>
	<b>Bộ sả</b>	<b>Coraciiformes</b>
38	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
39	Niệc nâu	<i>Annorhinus tickelli</i>
40	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
41	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
	<b>Bộ vẹt</b>	<b>Psittiformes</b>
42	Vẹt má vàng	<i>Psittacula eupatria</i>

43	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula finschii</i>
44	Vẹt đầu hồng	<i>Psittacula roseata</i>
45	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>
46	Vẹt lùn	<i>Loriculus verlanis</i>
	<b>Bộ cú</b>	<b>Strigiformes</b>
47	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>
48	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>
49	Dù di phương Đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>
	<b>Bộ sẻ</b>	<b>Passeriformes</b>
50	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>
51	Khướu cánh đỏ	<i>Garrulax formosus</i>
52	Khướu ngực đỏm	<i>Garrulax merulinus</i>
53	Khướu đầu đen	<i>Garrulax milleti</i>
54	Khướu đầu xám	<i>Garrulax vassali</i>
55	Khướu đầu đen má xám	<i>Garrulax yersini</i>
56	Nhông (Yểng)	<i>Gracula religiosa</i>
	<b>LỚP BÒ SÁT</b>	<b>REPTILIA</b>
	<b>Bộ có vảy</b>	<b>Squamata</b>
57	Kỳ đà vân	<i>Varanus bengalensis (V. nebulosa)</i>
58	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
59	Trăn cột	<i>Python curtus</i>
60	Trăn đất	<i>Python molurus</i>
61	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>
62	Rắn sọc dưa	<i>Elaphe radiata</i>
63	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>
64	Rắn cạp nia Nam	<i>Bungarus candidus</i>

65	Rắn cạp nia đầu vàng	<i>Bungarus flaviceps</i>
66	Rắn cạp nia Bắc	<i>Bungarus multicinctus</i>
67	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>
68	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i>
	<b>Bộ rùa</b>	<b>Testudinata</b>
69	Rùa đầu to	<i>Platysternum megacephalum</i>
70	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>
71	Rùa rãng (Càng đước)	<i>Hieremys annandalii</i>
72	Rùa Trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
73	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>
74	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>
	<b>Bộ cá sấu</b>	<b>Crocodylia</b>
75	Cá sấu hoa cà	<i>Crocodylus porosus</i>
76	Cá sấu nước ngọt (Cá sấu xiêm)	<i>Crocodylus siamensis</i>
	<b>LỚP ẾCH NHÁI</b>	<b>AMPHIBIAN</b>
	<b>Bộ có đuôi</b>	<b>Caudata</b>
77	Cá cóc Tam Đảo	<i>Paramesotriton deloustali</i>
	<b>LỚP CÔN TRÙNG</b>	<b>INSECTA</b>
	<b>Bộ cánh cứng</b>	<b>Coleoptera</b>
78	Cặp kìm sừng cong	<i>Dorcus curvidens</i>
79	Cặp kìm lớn	<i>Dorcus grandis</i>
80	Cặp kìm song lưỡi hái	<i>Dorcus antaeus</i>
81	Cặp kìm song dao	<i>Eurytrachelteulus titanus</i>
82	Cua bay hoa nâu	<i>Cheriotonus battareli</i>
83	Cua bay đen	<i>Cheriotonus iansoni</i>
84	Bọ hung năm sừng	<i>Eupacrus gravilicornis</i>

	<b>Bộ cánh vẩy</b>	<b>Lepidoptera</b>
85	Bướm phượng đuôi kiếm răng nhọn	<i>Teinopalpus aureus</i>
86	Bướm phượng đuôi kiếm răng tù	<i>Teinopalpus imperialis</i>
87	Bướm phượng cánh chim chân liền	<i>Troides helena ceberus</i>
88	Bướm rừng đuôi trái đào	<i>Zeuxidia masoni</i>
89	Bọ lá	<i>Phyllium succiforlium</i>

(Ảnh xem Phụ lục 5) (Nguồn: Cục Kiểm lâm)

### b. Ở Đồng Nai

Bảng: Một số loài thú bị đe dọa diệt vong ở Đồng Nai<sup>2</sup>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐ VN 2007	IUCN 2006
1	Chồn dơi	<i>Cynocephalus variegatus</i>	EN	
2	Dơi chó tai ngắn	<i>Cynopterus brachyotis</i>	VU	
3	Dơi nếp mũi không đuôi	<i>Coelops frithii</i>	R	
4	Dơi lá sa đen	<i>Rhinolophus borneensis</i>	R	
5	Dơi chai chân	<i>Eudiscopus denticulus</i>		LR/nt
6	Dơi tai ngón lớn	<i>Myotis rosseti</i>		LR/nt
7	Dơi tai sọ cao	<i>Myotis siligorensis</i>	LR	

**Ghi chú:**

+ Sách Đỏ Việt Nam (2000): E (nguy cấp); V (sẽ nguy cấp); R (hiếm).

+ IUCN (2000): Sách Đỏ IUCN (2000): CR (Rất nguy cấp); EN (nguy cấp); VU (sẽ nguy cấp); LR/nt (gần bị đe dọa); DD (bị đe dọa nhưng chưa đủ để xếp bậc).

+ Nghị định 18/HĐBT của Chính phủ và Nghị định số 32/2006/NĐ - CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ: IB (nghiêm cấm săn bắt); IIB (hạn chế săn bắt).



8	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	VU	VU
9	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	VU	VU
10	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	LR	LR/nt
11	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>	VU	VU
12	Voọc bạc	<i>Trachypithecus villosus</i>	VU	DD
13	Chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	EN	EN
14	Vượn má hung	<i>Nomascus gabriellae</i>	EN	VU
15	Sói đỏ	<i>Cuon alpinus</i>	EN	EN
16	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	EN	VU
17	Gấu chó	<i>Ursus malayanus</i>	EN	DD
18	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea</i>	VU	NT
19	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	VU	NT
20	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>	EN	VU
21	Cây mực	<i>Arctictis binturong</i>	EN	
22	Cây tai trắng	<i>Arctogalidia trivirgata</i>	LR	
23	Cây gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	VU	
24	Cây giông đốm lớn	<i>Viverra megaspila</i>	VU	
25	Báo lửa	<i>Catopuma temminckii</i>	EN	VU
26	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	CR	
27	Hổ	<i>Panthera tigris</i>	CE	EN
28	Báo gấm	<i>Pardofelis nebulosa</i>	EN	VU
29	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>	EN	VU
30	Voi	<i>Elephas maximus</i>	CR	EN
31	Tê giác một sừng Việt Nam	<i>Rhinoceros sondaicus annamiticus</i>	CR	CR
32	Cheo cheo nam dương	<i>Tragulus javanicus</i>	VU	
33	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>	EN	

34	Hoẵng Nam bộ	<i>Muntiacus muntjak annamensis</i>	VU	
35	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	EN	VU
36	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>	EN	EN
37	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>	EN	VU
38	Tê tê Java	<i>Manis javanica</i>	EN	LR/nt
39	Sóc bay lớn	<i>Petaurista philippensis</i>	VU	
40	Nhím đuôi ngắn	<i>Hystrix brachyura</i>		VU

**Bảng: Các loài thú quý hiếm ở VQG Cát Tiên**

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	SĐV Việt Nam (2000)	IUCN (2000)	NĐ18/HĐ BT (1992)
1.	Dơi chó tai ngắn	<i>Cynopterus brachyotis</i>	R		IB
2.	Dơi lá sa đen	<i>Rhinolophus borneensis</i>	R		
3.	Dơi ro-xét	<i>Myotis rosseti</i>		LR/nt	
4.	Dơi tai sọ cao	<i>Myotis siliGoãrensis</i>	R		
5.	Chồn dơi	<i>Cynocephalus variegatus</i>	R		
6.	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	V	VU	IB
7.	Khỉ mặt đỏ (Khỉ cộc)	<i>Macaca arctoides</i>	V	VU	IIB
8.	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>		LR/nt	IIB
9.	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca nemestrina</i>	V	VU	IIB
10.	Khỉ vàng	<i>Macca mulata</i>		LR/nt	IIB
11.	Chà vá chân đen	<i>Pygathryx nigripes</i>	V	EN	IB
12.	Vượn má vàng	<i>Hylobates gribriellae</i>		VU	IB
13.	Sói đỏ	<i>Cuon alpinus</i>	E	VU	IIB
14.	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	E	VU	IIB

15.	Gấu chó	<i>Ursus malayanus</i>	E	DD	IB
16.	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea</i>	V	LR/nt	
17.	Rái cá lông mượt	<i>Lutra perspicillata</i>	V	VU	
18.	Chồn vàng	<i>Martes flavigula</i>			IB
19.	Cây mực	<i>Arctictis binturong</i>	V		IB
20.	Cây gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	R		IB
21.	Cây giông đốm lớn	<i>Viverra megaspila</i>	E		
22.	Cây giông Tây Nguyên	<i>Viverra tainguyensis</i>	V		
23.	Beo lửa	<i>Catopuma temminkii</i>	E	LR/nt	IIB
24.	Báo gấm	<i>Pardofelis nebulosa</i>	V	VU	IB
25.	Hổ	<i>Panthera tigris</i>	E	EN	IB
26.	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>			IIB
27.	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>	R	LR/nt	
28.	Voi	<i>Elephas maximus</i>	V	EN	IB
29.	Tê giác một sừng Việt Nam	<i>Hinoceros songdaicus annamiticus</i>	E	CR	IB
30.	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>	V		
31.	Cheo cheo Nam dương	<i>Tragulus javanicus</i>	V		
32.	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	E	VU	IB
33.	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>	V	EN	IB
34.	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>	V	VU	IIB
35.	Tê tê Java	<i>Manis javanica</i>		LR/nt	
36.	Sóc bay lớn	<i>Petaurista philippensis</i>	R		IB
37.	Sóc đỏ	<i>Calloscicurus finleysoni</i>	R		
38.	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>			IIB
39.	Nhím đuôi ngắn	<i>Hytrix brachyura</i>		VU	

## 1.3. CÁC MỐI ĐE DỌA ĐỐI VỚI ĐA DẠNG SINH HỌC, ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAI

### 1.3.1. Ở Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia có ĐDSH *cao nhất* thế giới. Chính vì vậy, bảo vệ ĐVHD trên cạn nói riêng ở Việt Nam là một *thách thức* rất lớn. Bởi vì các khu vực cần được bảo tồn *rất nhiều*. Bên cạnh các yếu tố tự nhiên bất lợi tác động thì sự phát triển kinh tế - xã hội; hoạt động của con người cũng đã ảnh hưởng *lớn* đến môi trường sống; nguồn thức ăn, sự tồn tại và phát triển của ĐVHD. Những năm qua, mặc dù các nỗ lực về bảo vệ môi trường được thực hiện ngày càng mạnh mẽ, nhưng trên thực tế, tài nguyên vẫn bị khai thác quá mức, ĐDSH tiếp tục bị suy thoái.

ĐVHD là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng *quý giá*, là bộ phận quan trọng tạo nên sự cân bằng sinh thái, bảo đảm môi trường sống trong lành cho con người. Vì vậy, bảo tồn và phát triển ĐVHD là điều kiện quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội và là trách nhiệm của mọi tổ chức và cá nhân.

Hệ động vật ở nước ta không những giàu về thành phần loài mà còn có nhiều nét độc đáo riêng, đại diện cho vùng Đông Nam Á. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội thì ĐVHD đang bị suy giảm đáng kể; nhiều loài, đặc biệt là một số loài ĐVHD quý hiếm đã bị tuyệt chủng hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng trong thiên nhiên. Một trong những nguyên nhân chính của thực trạng trên là do việc buôn bán, tiêu dùng *bất hợp pháp* ĐVHD.

Tình trạng săn bắt, buôn bán, vận chuyển, nuôi nhốt và tiêu thụ ĐVHD trái phép vẫn ngày càng gia tăng; mỗi năm các cơ quan chức năng đã phát hiện, bắt giữ hàng ngàn vụ vi phạm về săn bắt và buôn bán ĐVHD. Tiêu thụ ĐVHD trên cạn nói riêng diễn ra phổ biến, công khai ở nhiều cơ sở kinh doanh phục vụ ăn uống. Mặc dù bị cấm, nhưng vì lợi nhuận nên nhiều đối tượng vẫn lén lút buôn bán phục vụ nhu cầu ăn uống, chữa bệnh và trang trí,....

Cũng như các nước trên thế giới, việc buôn bán và tiêu thụ ĐVHD nói chung và các sản phẩm từ ĐVHD trên cạn nói riêng tại Việt Nam và Đông Nai đang ở mức *báo động*. Chính vì vậy, việc bảo vệ và phát triển ĐVHD là yêu cầu *cấp thiết* nhưng đồng thời cũng là một trong những *thách thức* lớn đối với các cơ quan, tổ chức bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, việc mua, bán, vận chuyển, nuôi nhốt, chế biến trái phép ĐVHD vẫn diễn ra ở nhiều nơi với những mức độ khác nhau như: tàng trữ, buôn bán trái phép ĐVHD vẫn diễn ra ở nhiều khu dân cư; nuôi nhốt trái phép ĐVHD để làm cảnh ở nhiều hộ dân; chế biến ĐVHD không có nguồn gốc hợp pháp làm món ăn ở nhiều nhà hàng, quán ăn. *Một trong những nguyên nhân chính của thực trạng trên là do công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ ĐVHD chưa được quan tâm đúng mức; tuyên truyền, vận động chưa kết hợp tốt với các biện pháp kinh tế nên hiệu quả tuyên truyền chưa cao.*



*Ảnh: Những hình ảnh về săn bắt, mua bán, tiêu dùng trái phép ĐVHD trên cạn.*

Tuy đã có nhiều nghị quyết, văn bản pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo vệ các loài ĐVHD, nhưng trên thực tế, nguồn tài nguyên ĐDSH của chúng ta tiếp tục bị suy thoái, các loài ĐTVHD tiếp tục bị rơi vào nguy cơ *tuyệt chủng* trên lãnh thổ Việt Nam bởi chính bàn tay của con người.

### ***a. Mất sinh cảnh***

Chặt phá rừng, khai thác lâm sản, xây dựng cơ sở hạ tầng và canh tác nông nghiệp là những nguyên nhân chính làm mất sinh cảnh của các loài ĐVHD. Năm 1943, diện tích rừng tự nhiên che phủ hơn 43% diện tích đất nước, hiện tại diện tích rừng Việt Nam chỉ còn lại khoảng 30%. Việc trồng mới nhiều diện tích rừng không thể khôi phục các sinh cảnh cho ĐVHD, do thiếu những loài cây bản địa. Sinh cảnh bị mất và bị chia cắt, nhiều con đường mới được xây dựng chia cắt các cánh rừng, cản đường di chuyển kiếm ăn và cơ hội giao phối trong mùa sinh sản của động vật. Bên cạnh đó, cháy rừng và xâm lấn của các loài sinh vật lạ cũng làm mất sinh cảnh của ĐVHD trên cạn nói riêng, cụ thể như:

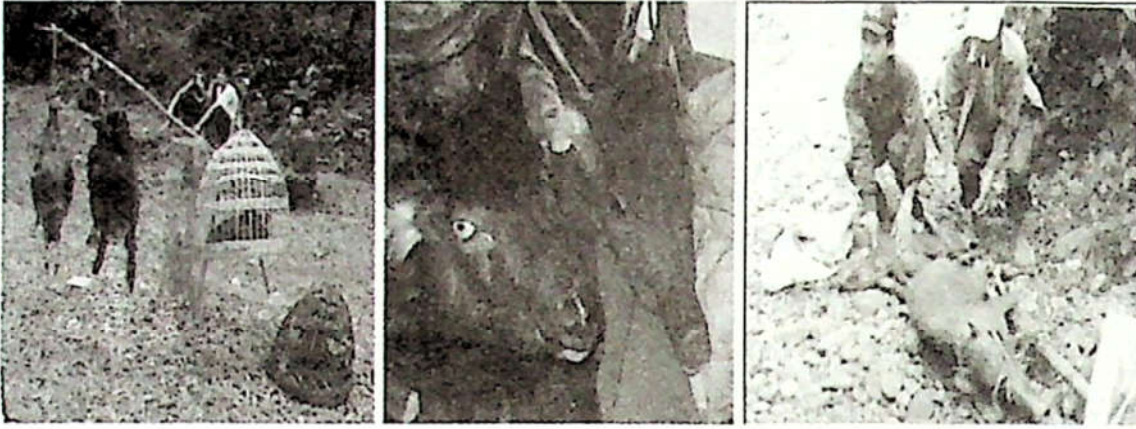
+ Tại VQG U Minh Thượng (năm 2002) cháy rừng đã làm thiệt hại gần 4.000 ha rừng, là nơi cư trú của nhiều loài động vật như bò sát, chim và thú.

+ Tại VQG Tràm Chim, hiện tại cây Mai dương có một loại sinh vật lạ đã xâm lấn hàng nghìn hecta vườn làm ảnh hưởng đến nguồn thức ăn của loài Sếu đầu đỏ.

### ***b. Săn bắt trái phép***

Săn bắn ĐVHD trên cạn nói riêng đã tồn tại từ hàng nghìn năm về trước, nhưng trong những thập kỷ gần đây việc săn bắn ĐVHD trên cạn nói riêng đã vượt quá ngưỡng bền vững. Tốc độ tái tạo quần thể ĐVHD trong tự nhiên không đủ so với việc săn bắn. Trước đây, người dân địa phương thường săn bắn quanh năm, đặc biệt là vào mùa sinh sản, chính vì vậy nhiều con cái bị săn bắn, khả năng tái tạo đàn giảm.

Do tác động từ nhu cầu ĐVHD trên cạn nói riêng trên thị trường, đặc biệt là xuất khẩu, áp lực săn bắn ĐVHD trên cạn nói riêng tại các KBT thiên nhiên và VQG ngày một tăng. Mặc dù, Chính phủ đã có các biện pháp tăng cường quản lý ĐVHD trên cạn nói riêng, vấn đề này đã tạo ra áp lực rất lớn đối với các KBT và VQG trong công tác quản lý, bảo vệ và bảo tồn các loài sinh vật.



*Ảnh: Sản bắt trái phép các loài ĐVHD*

### ***c. Nhận thức trong vấn đề bảo tồn ĐVHD***

Việt Nam đã nhận thức tầm quan trọng của vấn đề bảo tồn ĐVHD khá sớm. Chỉ thị số 134/TTg ngày 21/6/1960 của Thủ tướng Chính phủ về *cấm* săn bắt Voi; tiếp theo là Nghị định số 39/CP ngày 05/04/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời về săn bắt Chim, thú rừng và Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng ra đời năm 1972.

Trước những thách thức ngày càng lớn trong bảo tồn thiên nhiên cũng như quản lý môi trường, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản qui phạm pháp luật để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và ĐVHD đồng thời thực thi nhiều công tác tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức cộng đồng đã hết sức được chú trọng, coi đây là một trong những công cụ hiệu quả nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Việc khai thác tài nguyên không chỉ phục vụ tiêu dùng mà còn để xuất khẩu. Nhiều khi việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế chưa dựa trên cơ sở khoa học, quy hoạch tổng thể, gây nên việc lạm dụng, khai thác quá mức làm nguồn tài nguyên sinh vật nhanh chóng *suy giảm*.

Bên cạnh các chính sách thể hiện mối quan tâm của Nhà nước đến công tác bảo tồn thì nhận thức của các tầng lớp dân cư về vấn đề bảo tồn và phát triển ĐVHD trên cạn nói riêng chưa cao. Đối với người dân địa phương nơi có các loài ĐVHD sinh sống, từ nhiều đời nay việc săn bắt ĐVHD trên cạn nói riêng vẫn được coi là một nghề kiếm sống, họ không có nhiều kiến thức về bảo tồn. Họ không biết được tại sao nguồn tài nguyên ĐVHD trên cạn nói riêng ngày một ít đi. Do vậy, việc nâng cao

nhận thức đối với người dân địa phương có vai trò hết sức quan trọng, nhờ đó áp lực vào rừng sẽ giảm.

+ *Đối với các chủ buôn:* Họ không có khái niệm bảo tồn ĐVHD. Vì lợi nhuận cao họ không quan tâm đến việc ngừng mua và bán các mặt hàng ĐVHD. Thậm chí họ biết rằng việc buôn bán một số loài ĐVHD là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tiếp tục vi phạm.

Những nỗ lực liên tục của Chính phủ Việt Nam và của nhiều tổ chức quốc tế đã giúp cho công chúng và các nhà hoạch định chính sách, các nhà làm luật nhận thấy rõ hơn vai trò của bảo tồn và kiểm soát buôn bán ĐVHD. Tuy nhiên, nhận thức đó còn chưa sâu sắc, đặc biệt các hoạt động truyền thông và nâng cao nhận thức còn chưa mạnh mẽ, chưa biến thành hành động cụ thể, do đó kết quả của công việc kiểm soát buôn bán ĐVHD còn nhiều hạn chế.

#### ***d. Buôn bán bất hợp pháp***

Tình hình buôn bán ĐVHD tại Việt Nam đang diễn ra hết sức phức tạp, với nhiều thủ đoạn rất tinh vi. Bọn buôn lậu sử dụng các tuyến đường bí mật và các phương tiện chuyên chở cũng như liên lạc hiện đại nhằm đối phó với sự kiểm soát của các cơ quan chức năng. Nhiều chủ buôn sử dụng giấy tờ giả mạo, khai báo sai về loài, số lượng ĐVHD nhằm đánh lừa các cơ quan chức năng. Các loài ĐVHD trên cạn nói riêng bị buôn lậu chủ yếu như: Rắn, Tê tê, Gấu, các loài Khỉ, các loài Chim, ... (*chủ yếu là động vật tươi sống*). ĐVHD tiêu dùng trong nước chủ yếu được cung cấp cho các nhà hàng thịt thú rừng, đặc biệt ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vì thịt thú rừng là món ăn “khoái khẩu”, vì lợi nhuận thu được từ việc buôn bán bất hợp pháp các loài ĐVHD rất lớn.

- *Buôn bán các loài thú:* Trong tổng số hơn 252 loài thú thì có đến 147 loài là đối tượng bị săn, bắt và buôn bán, nhưng trên thị trường mới chỉ ghi nhận được 55 loài thú. Trước đây buôn bán các loài thú chủ yếu phục vụ nhu cầu thực phẩm của người dân địa phương. Trong những năm gần đây việc buôn bán các loài thú bán trên thị trường chủ yếu cung cấp cho các nhà hàng nhằm đáp ứng nhu cầu ẩm thực của người dân thành phố và xuất khẩu. Ngoài sản phẩm thịt, thú rừng (sống) còn được buôn bán với mục đích làm cảnh, tình trạng nuôi nhốt ĐVHD diễn ra khá phổ biến. Các loài thường bị nuôi nhốt làm cảnh như: Thú linh trưởng, Báo,



Gấu, Nai, Hươu, Nhím, Chồn,... Bên cạnh đó việc buôn bán, săn bắt thú với mục đích làm *thuốc dân tộc* khá phổ biến như mật Gấu, sừng Tê giác, cao Khỉ, cao Hồ cốt,... vẫn được coi là những bài thuốc cổ truyền chữa được nhiều loại bệnh. Hiện tại có hàng nghìn con Gấu bị buôn bán, nuôi nhốt phục vụ cho khai thác mật.

- *Buôn bán các loài chim*: Buôn bán chim ở Việt Nam chủ yếu đáp ứng nhu cầu nuôi cảnh và làm thực phẩm. Hiện tại rất khó kiểm soát thị trường này, ở các chợ làng, thôn, bản hay bày bán các loại chim như: Chim di, Chim sẻ đồng, các loại Nhạn làm thực phẩm,... Ở các thị trường lớn của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, thì việc trưng bày và bán Chim chủ yếu phục vụ làm cảnh và thu gom để xuất khẩu. Các loài Chim được xuất khẩu chủ yếu là Khướu đầu trắng, Vàng khuyên, Chim hơng vàng, Khướu Trung Quốc, Mai hoa, Chào mào,... và đôi khi ở một số nơi như cửa khẩu Lạng Sơn còn thấy Gà lôi trắng. Hiện trạng buôn bán các loài Chim có nguồn gốc hoang dã đang ở mức báo động. Nếu không được quản lý sẽ dẫn đến suy giảm nghiêm trọng quần thể một số loài ngoài thiên nhiên.

- *Buôn bán các loài bò sát*: Bò sát được buôn bán trên thị trường với nhiều mục đích khác nhau như làm thực phẩm, làm thuốc, làm cảnh và các sản phẩm da. Các loài làm thực phẩm như: Cá sấu, các loại rắn, Nhông cát, Kỳ đà. Các loài được sử dụng làm thuốc như: Tắc kè, Rắn hổ mang, Rắn cạp nong, Rắn ráo, cao Trăn, mỡ Trăn,... Các loài được buôn bán làm cảnh như: Vích, Trăn,... Ở Việt Nam, bò sát được bẫy bắt và thu gom nhiều ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung sau đó được đưa đến các thành phố lớn để tiêu thụ và xuất khẩu. Trong tất cả các loài ĐVHD bị buôn bán trên thị trường thì bò sát chiếm số lượng lớn nhất do đặc tính sinh học của chúng có thể tồn tại trong thời gian dài mà không cần cung cấp thức ăn, ngoài ra chúng còn có khả năng chịu đựng các điều kiện vận chuyển.

#### **\* Các tuyến đường buôn bán ĐVHD:**

+ *Việt Nam* là nơi cung cấp nhiều ĐVHD cho tiêu thụ nội địa và nhu cầu từ nước ngoài. Nguồn tài nguyên ĐVHD trong nước ngày một hiếm dần do tình trạng khai thác, săn bắt quá mức;

+ *Việt Nam* còn là *điểm trung chuyển* ĐVHD từ các nước Đông Nam Á sang các nước khác. ĐVHD được khai thác nhiều nơi trong nước, đặc

biệt là các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Các tỉnh như Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Gia Lai, Kon Tum,... là nguồn khai thác ĐVHD lớn.

+ *Các tỉnh có biên giới chung với Lào và Campuchia* là nơi ĐVHD được nhập vào và được gom về Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội, rồi được chở bằng xe đông lạnh lên tập trung ở các tỉnh biên giới phía Bắc, để từ đó chuyển qua các nước thứ 3. Quốc lộ IA là tuyến đường trung chuyển ĐVHD lớn nhất; ngoài ra, ĐVHD còn được vận chuyển lẻ rất tinh vi, bằng các loại xe chuyên dụng, tàu hỏa hoặc đường hàng không.

+ *Buôn bán bất hợp pháp ĐVHD qua biên giới:* Việt Nam với đường biên giới dài: phía Tây giáp Lào, Campuchia, phía Bắc giáp Trung Quốc. Trong khi tài nguyên ĐVHD ở trong nước ngày một giảm sút cùng với những chính sách bảo vệ ĐVHD của Nhà nước thì một số tổ chức, cá nhân chuyển sang buôn bán với các nước láng giềng.

Thực tế đã xuất hiện các hình thức gian lận thương mại ở các vụ buôn bán ĐVHD qua biên giới như sử dụng giấy phép, giấy chứng chỉ xuất khẩu giả của cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES nước ngoài để tạm nhập tái xuất, quá cảnh các mẫu vật ĐVHD qua lãnh thổ Việt Nam;...

#### ***e. Gây nuôi ĐVHD***

Việc buôn bán và săn bắt ĐVHD không chỉ để phục vụ cho các mục đích như: làm thực phẩm, làm đồ trang sức, làm các mẫu vật chết để trưng bày, mà còn dùng một số lượng lớn ĐVHD săn bắt được, buôn bán nhằm phục vụ mục đích nuôi nhốt.

Ở Việt Nam, một số cơ sở nuôi nhốt ĐVHD trên cạn nhằm phục vụ các mục đích như:

+ Thu gom ĐVHD với số lượng lớn để tạo hàng hóa buôn bán trên thị trường (*Tê tê, Rắn,...*);

+ Khai thác một số sản phẩm từ ĐVHD (*sừng Hươu, sừng Nai, mật Gấu, lông thú,...*) phục vụ các nhu cầu khác nhau;

+ Phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí, làm cảnh và biểu diễn xiếc (*Gấu, Khỉ, Voi,...*);

+ Nhằm mục đích gây nuôi sinh sản để tạo thêm nhiều sản phẩm phục vụ buôn bán trên thị trường (*Trăn, Rắn, Hươu sao, Nai,...*).

Theo thống kê từ các tỉnh và thành phố trên cả nước, số loài ĐVHD gây nuôi hiện khá phong phú như: *Già đẫy, Nhang Sen, Le le, Bò nông, Ngỗng trời, Vịt trời, Công, Trích, Hồ, Báo gấm, Báo hoa mai, Bò rừng, Gấu, Nai, Hươu sao, Nhím, Cá sấu, Vượn, Khỉ, Chồn mực, Chồn hương, Không cát,...*

Như vậy với số lượng lớn ĐVHD bị nuôi nhốt, trong đó có nhiều loài quý hiếm là một trong những nguyên nhân quan trọng đe dọa đến các loài ĐVHD. Hơn nữa nhu cầu nuôi nhốt ĐVHD vẫn còn rất cao, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật cấm nuôi nhốt ĐVHD. Ngoài một số trung tâm cứu hộ, các vườn thú thì hầu hết việc nuôi nhốt ĐVHD là tự phát và trái pháp luật. Vấn đề nuôi nhốt ĐVHD không những làm tăng sức ép khai thác ĐVHD từ tự nhiên, hơn thế nếu tái thả ĐVHD Một vấn đề khác là nguồn gốc của ĐVHD nuôi nhốt *không* rõ ràng nên việc chọn sinh cảnh phù hợp để tái thả chúng vào tự nhiên là công việc rất *khó khăn*. Vì nơi có đủ điều kiện về thức ăn, vật chủ, con mồi và sinh thái nơi chúng được thả và bản thân chúng *không* tự bị tiêu diệt.

#### ***f. Các nhóm đối tượng thường liên quan đến việc sử dụng ĐVHD***

##### ***+ Nhóm trung gian thu mua, các nhà hàng và đầu nậu***

Nhóm này thường có thu nhập khá cao, mà việc nhẹ nhàng không phải làm trực tiếp vì vậy mà có thể họ hiểu biết rất rõ về pháp luật nhưng lại làm ngơ.

##### ***+ Nhóm khai thác***

Chỉ hưởng lợi theo ngày công hoặc theo sản phẩm, do đó tuy là người trực tiếp khai thác ĐVHD nhưng nguồn thu lại thấp, chỉ đủ ăn, nhưng do họ quá phụ thuộc vào tài nguyên rừng nên đối với họ đó là công việc bình thường.

##### ***+ Nhóm công chức nhà nước và doanh nhân***

Việc sử dụng các sản phẩm ĐVHD là biểu trưng của địa vị xã hội, đặc biệt đối với doanh nhân và công chức nhà nước. Các cán bộ công chức là những người có *địa vị, quyền lực* còn doanh nhân là những người *có tiền*.

Người có *thu nhập cao và học vấn cao* sử dụng sản phẩm ĐVHD *nhiều hơn*. 42% số người được khảo sát trả lời chưa dùng bao giờ là do *không có tiền*, chỉ có 10% *không ăn vì nó ảnh hưởng đến môi trường sinh thái*. 19% số người được khảo sát *khẳng định sẽ thử* khi có tiền; 38% số người được khảo sát còn lưỡng lự có dùng không nếu có tiền. 38% số người được khảo sát còn lưỡng lự có tiền thì nên dùng hay không => sẽ *dứt khoát* không dùng sau khi được tuyên truyền 19% *khẳng định sẽ thử* => sẽ trở thành số lưỡng lự không thử nữa (*Theo nguồn tài liệu của tổ chức TRAFFIC năm 2009*).

### 1.3.2. Các mối đe dọa đối với ĐVHD trên cạn ở Đồng Nai

Đồng Nai có vị trí *thuận lợi* trong việc chung chuyển ĐVHD từ các tỉnh khác; Công tác tuyên truyền, quản lý bảo vệ ĐVHD *chưa* được thực hiện tốt chỉ *bỏ gọn* trong ngành Kiểm lâm, các ngành các cấp khác ít quan tâm hỗ trợ; Các loài thú ở Đồng Nai có nhiều loài *quý, hiếm* trong cả nước, có giá trị cao về kinh tế chính vì vậy mà việc săn bắn xảy ra rất nhiều, *khó* kiểm soát.

Sự chuyển đổi đất rừng thành đất nông nghiệp, đất trồng cây cao su đã làm giảm hành lang an toàn cho các loài ĐVHD cũng như nơi sống các loài đang bị đe dọa như: Tê giác, Voi, Gà so cổ hung,..... Chủ yếu do người dân đang sinh sống trong ranh giới KBT, VQG và đặc biệt là diện tích rừng nơi giáp ranh với VQG Cát Tiên và KBT thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai với các tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng đã gần như bị chuyển hóa toàn bộ thành đất trồng cao su.

Hiện tượng khai thác lâm sản trái phép vẫn diễn ra như gỗ, song mây, các loài thú, chim và cá trong khu vực, đã làm cho hệ sinh thái rừng đang mất dần đi tính ổn định và dễ bị phá vỡ. Vì vậy, mà làm giảm lượng thức ăn cung cấp cho các loài thú, bên cạnh đó nơi cư trú an toàn cho các loài này cũng không còn.

Mâu thuẫn giữa người dân với đàn Voi: do việc sử dụng đất rừng làm nông nghiệp trong phạm vi KBT, không có sự kiểm soát của ban quản lý. Thiếu sự phối kết hợp các cấp các ngành ở địa phương, đặc biệt vấn đề đất nông nghiệp và công tác bảo tồn trong phạm vi KBT đã dẫn đến hiện tượng Voi thường xuyên ra ăn, phá cây trồng của người dân vì vậy khi mâu thuẫn lên đỉnh điểm thì sẽ có thiệt hại về Voi hoặc người dân.

Kế hoạch xây dựng đập Đồng Nai 3 và 4 ở thượng nguồn, có thể gây ra giảm chiều cao dòng chảy sông Đồng Nai, làm giảm cung cấp nước của suối Đắc Lừa là nơi cung cấp nước cho các bầu đặc biệt Bầu Sáu. Làm thu hẹp diện tích đất ngập nước là hệ sinh thái quan trọng của các loài Chim nước định cư và di cư, nơi kiếm ăn của các loài Thú móng guốc và nơi đẻ trứng của nhiều loài Cá di cư.

Theo số liệu trong đợt khảo sát trong những năm gần đây, ở những khu đất ngập nước vẫn còn những hiện tượng gây nhiễu loạn và đe dọa nơi kiếm ăn và sinh sống của các loài Chim nước.

Việc sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ ở các cánh đồng lúa gây ô nhiễm nguồn nước là môi trường sống của các loài động vật thủy sinh, là nguồn thức ăn của nhiều loài Chim nước, làm ảnh hưởng gián tiếp và trực tiếp đến sự sinh tồn của các loài Chim nước sống ở đây. Việc canh tác, mở rộng diện tích đất trồng nông nghiệp đang làm thu hẹp dần diện tích nơi kiếm ăn và sinh sống của các loài Chim nước đặc biệt loài Gà nước mà y trắng.

Việc xây dựng nhiều hệ thống đường giao thông, các công trình cũng đã làm giảm bớt diện tích rừng, đặc biệt làm chia cắt hệ sinh thái rừng thành những đám nhỏ không còn phù hợp với đặc tính sinh thái học của một số loài. Đồng thời, tạo thuận lợi cho việc khai thác, vận chuyển, buôn bán các sản phẩm từ rừng; Cuộc sống của người dân ven rừng còn quá thấp, họ quá phụ thuộc vào các sản vật từ rừng.

## **1.4. NGUYÊN NHÂN ĐE DỌA ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

### **1.4.1. Về kinh tế - xã hội**

Việt Nam là một nước nghèo, với trên 70% dân số sống bằng nông nghiệp và lâm nghiệp, trải qua nhiều biến cố như chiến tranh kéo dài, nhiều thiên tai, dân số đông và gia tăng nhanh. Do vậy, để tồn tại, bảo vệ và xây dựng đất nước, người dân Việt Nam đã tận dụng hết mức nguồn tài nguyên thiên nhiên trong đó có tài nguyên sinh vật. Sự khai thác lạm dụng trong nhiều thập niên liên tục cùng với các nguyên nhân khác đã làm cho tài nguyên sinh vật nước ta giảm sút nghiêm trọng.

Diện tích rừng tự nhiên giảm từ 14,3 triệu ha vào năm 1943 xuống còn khoảng 10,3 triệu ha năm 2008; Chất lượng rừng tự nhiên bị suy giảm đáng kể: chỉ có 7% diện tích rừng còn lại là rừng nguyên sinh, gần

70% là rừng thứ sinh nghèo. Rừng tự nhiên đang bị chia cắt và suy thoái về chất lượng. Độ che phủ rừng năm 2008 là 38,7%, mục tiêu của Chính phủ là năm 2010 đạt 43%; Mất rừng và suy thoái rừng là những lý do chính gây nên sa mạc hóa và suy kiệt đất, tạo nên hàng loạt các tác động tiêu cực, như lũ lụt và hạn hán nghiêm trọng ngày càng gia tăng, diện tích đất màu giảm; Các vùng đất ngập nước đang bị chuyển sang mục đích sử dụng khác với tốc độ cao; những vùng đất ngập nước còn lại đang bị sử dụng quá mức và chịu sức ép lớn từ các nhu cầu phát triển; Các rạn San hô do bị ảnh hưởng và tác động của môi trường đang bị suy thoái trên quy mô rộng; Các nguồn lợi thủy sản cũng đang suy giảm, đặc biệt ở các hệ sinh thái thủy sinh trong đất liền và gần bờ.

Trong 50 năm qua, chúng ta phải chứng kiến sự tuyệt chủng cấp quốc gia của một số loài ĐVHD như: Tê giác hai sừng, Heo vòi, Hươu sao, Trâu rừng, Bò xám, Nhàn Ấn Độ, Niệc đầu trắng, Rùa rừng ngập mặn,...

Có nhiều nguyên nhân làm suy giảm ĐDSH, nhưng phần lớn là do các hoạt động của con người, đó là:

+ Sự phá hoại sinh cảnh (*suy giảm rừng và các dạng sinh cảnh khác*) do sản xuất nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp,....;

+ Sinh cảnh bị chia cắt mạnh mẽ và cách ly ngăn cản sự giao lưu giữa các quần thể;

+ Sự ô nhiễm môi trường do chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ,....;

+ Khai thác quá mức tài nguyên sinh vật;

+ Sự du nhập của các loài ngoại lai ngăn cản sự phát triển của các loài bản địa;

+ Sự lây lan của các bệnh dịch;

+ Do các thiên tai: cháy rừng, lũ lụt, hạn hán, gió bão;

+ Khung hình phạt đối với các hành vi buôn lậu, mua bán trái phép trong lĩnh vực này còn chưa cao, biện pháp chế tài chưa đủ sức răn đe;

+ Lực lượng thực thi pháp luật về quản lý ĐVHD còn mỏng, trình độ chuyên môn, kỹ thuật còn yếu, phương tiện, công cụ hỗ trợ còn lạc hậu;